



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 38360289 Fax: (024) 38361199
Email: thitruong@quatest1.com.vn

HỒ SƠ NĂNG LỰC

PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐIỆN,

ĐIỆN TỬ, HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

DANH MỤC HỒ SƠ

1. GIỚI THIỆU CHUNG

- ❖ Giới thiệu Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
- ❖ Sơ đồ tổ chức Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
- ❖ Giới thiệu chung phòng thử nghiệm Điện, Điện tử, Hiệu suất năng lượng

2. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

- ❖ Quyết định thành lập
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tổ chức khoa học và công nghệ
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học Công nghệ
- ❖ Quyết định Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

3. NĂNG LỰC

- ❖ Quyết định, chỉ định các Bộ, các ngành
- ❖ Chứng chỉ công nhận
- ❖ Danh sách nhân sự
- ❖ Danh mục một số trang thiết bị chính
- ❖ Danh sách một số công trình đã thực hiện

GIỚI THIỆU CHUNG



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Trụ sở chính: Nhà E, Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.38360289 – **Fax:** 024.38361199
Cơ sở Nam Thăng Long: Lô B2-3-6a Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024.32191002 – **Fax:** 024 32191001
Website: www.quatest1.com.vn – **Email:** thitruong@quatest1.com.vn

GIỚI THIỆU CHUNG

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (QUATEST1) được thành lập theo Quyết định số 1273/QĐ-TĐC, ngày 05 tháng 11 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ). Bộ máy tổ chức và lĩnh vực hoạt động được quy định trong “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1”, ban hành kèm theo Quyết định số 683/QĐ - TĐC, ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 là tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân.

Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1:

- Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan tới lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực: Giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình theo yêu cầu hoặc chỉ định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Cung cấp các dịch vụ về lĩnh vực đo lường, thử nghiệm, giám định, chứng nhận, bảo trì và sửa chữa các phương tiện đo theo yêu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân.
- Thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức thử nghiệm chất lượng, vệ sinh, an toàn các sản phẩm, hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, công trình.
- Tổ chức thực hiện việc khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường.
- Tiến hành giám định sản phẩm hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền sản xuất, chuyển giao công nghệ và chất lượng công trình xây dựng.
- Tổ chức kiểm định an toàn công nghiệp; các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn.



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Trụ sở chính: Nhà E, Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.38360289 – **Fax:** 024.38361199
Cơ sở Nam Thăng Long: Lô B2-3-6a Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024.32191002 – **Fax:** 024 32191001
Website: www.quatest1.com.vn – **Email:** thitruong@quatest1.com.vn

- Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng cho cán bộ, viên chức của Trung tâm và theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân.
- Tư vấn giám sát và đánh giá chất lượng công trình, giám sát lắp đặt, chế tạo thiết bị.
- Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn đổi mới công nghệ. Tổ chức, nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.
- Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- Thực hiện các hoạt động dịch vụ về đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra không phá hủy (NDT), kỹ năng thợ hàn theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.
- Thực hiện các hoạt động tư vấn dịch vụ tư vấn quản lý dự án, đấu thầu, xây dựng các giải pháp kỹ thuật, lập các dự án đầu tư và trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật.
- Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, cung ứng thiết bị thử nghiệm và các thiết bị kỹ thuật khác.
- Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quy định của pháp luật.
- Tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

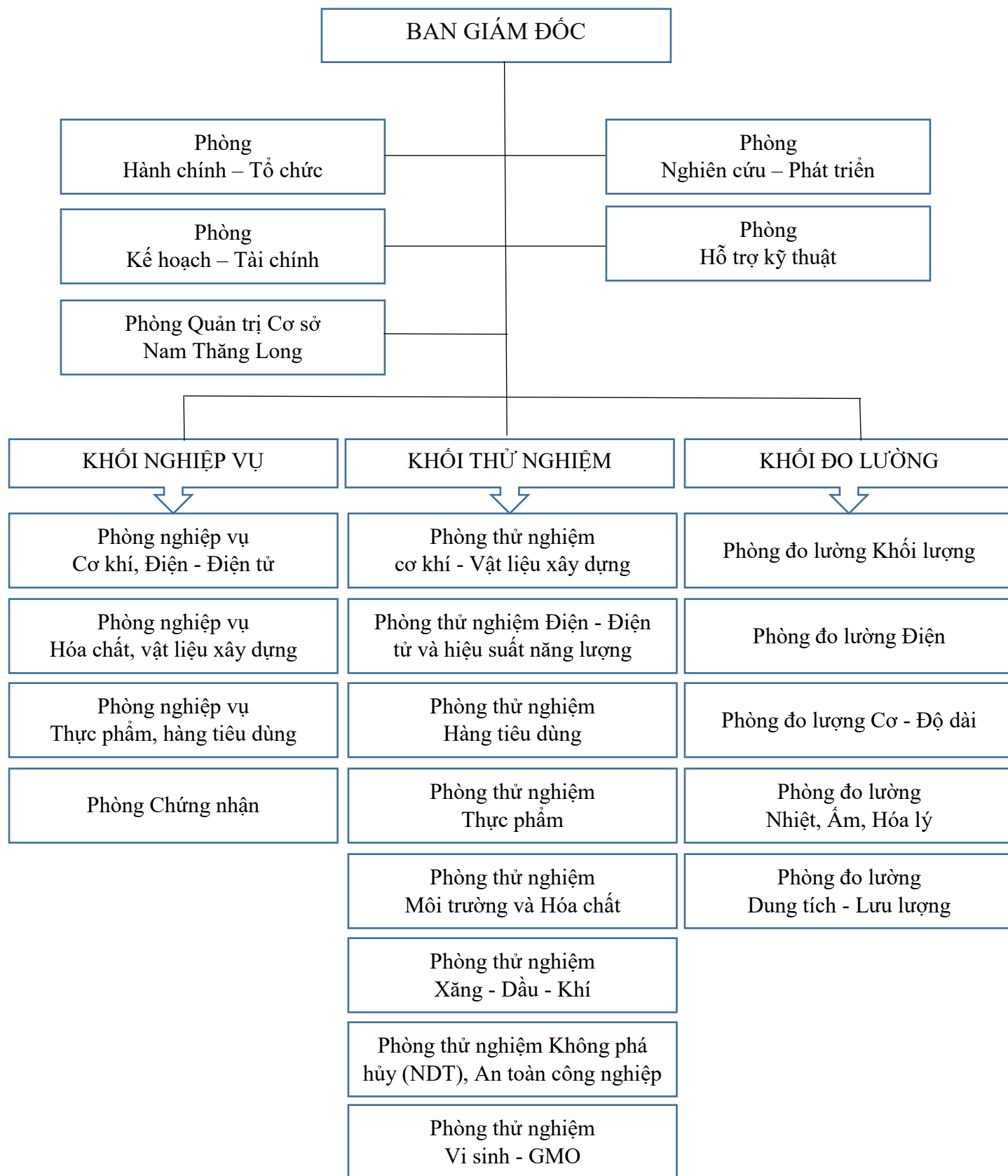
CAM KẾT

Tất cả các hoạt động dịch vụ của Quatest 1 chỉ hoàn thành khi khách hàng nhận được chứng chỉ hoặc chứng nhận tương đương.

Để nâng cao chất lượng phục vụ, thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị hiện đại, coi trọng việc đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên. Đồng thời Trung tâm luôn duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý Chất lượng theo ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020, ISO/IEC 17021, ISO/IEC 17065.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT 1

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Phòng thử nghiệm Điện - Điện tử và Hiệu suất năng lượng

Phòng Thử nghiệm Điện – Điện tử và Hiệu suất năng lượng được thành lập từ năm 1976 và nằm trong hệ thống các Phòng thử nghiệm của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (QUATEST 1).

Hệ thống quản lý chất lượng phòng thử nghiệm: Đáp ứng các chuẩn mực và đã được chứng nhận phù hợp với các yêu cầu được qui định trong tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 kể từ năm 1993 (Mã số công nhận: VILAS 028).

Phòng thử nghiệm có đầy đủ năng lực để triển khai, tiến hành các hoạt động thử nghiệm thuộc nhiều lĩnh vực như: thử nghiệm an toàn điện, thử nghiệm hiệu suất năng lượng, thử nghiệm tương thích điện từ đối với các sản phẩm điện, điện tử theo các yêu cầu được qui định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, Quốc tế nhằm phục vụ các yêu cầu quản lý nhà nước cũng như nhu cầu của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

Các lĩnh vực hoạt động:

- Thử nghiệm an toàn, tính năng cho các sản phẩm điện gia dụng, điện tử tương tự:

- ✓ Thiết bị dùng trong gia đình: Bàn là điện, Thiết bị đun nóng chất lỏng (Nồi cơm điện, ấm điện, nồi áp suất điện, máy pha cà phê...), Lò nướng điện (Lò nướng điện di động, thiết bị nướng bánh mỳ, nồi chiên không dầu, vỉ nướng điện, bếp điện...), Bình đun nước nóng có dự trữ (Bình nóng lạnh, máy lọc nước có chức năng làm nóng nước), Thiết bị dùng để chăm sóc da và tóc (Máy sấy tóc, máy sấy khô tay, máy xông hơi vùng mặt, thiết bị tạo nếp tóc...), Lò vi sóng, Bình đun nước nóng nhanh, Que đun điện, Quạt điện, Máy giặt, Máy hút bụi, Máy xay, Bơm nước dùng trong gia đình, Tủ lạnh, Điều hòa không khí.
- ✓ Thiết bị công nghệ thông tin: Máy tính (Máy tính để bàn, Máy tính xách tay), Máy in, Máy photocopy.
- ✓ Thiết bị nghe nhìn: Máy thu hình, Loa, Máy phát nhạc.
- ✓ Dụng cụ điện cầm tay: Máy mài, Máy cưa đĩa, Khoan.

- Thử nghiệm an toàn, tính năng cho các sản phẩm điện công nghiệp:

- ✓ Dụng cụ cho lưới điện hạ thế: Dây cáp điện, Máy biến áp, Thiết bị đóng cắt, Ổ cắm, Phích cắm, Aptomat, Tủ bảng điện, Ống luồn dây điện, Thang máng cáp, Phụ kiện đường dây, Đồ bảo hộ lao động.
- ✓ Dụng cụ cho lưới điện trung thế, cao thế: Cáp điện lực, Máy biến áp điện lực, Tủ điện, Cầu dao, Cầu chì, Máy cắt, Thiết bị chống sét, Chuỗi cách điện, Sào cách điện, Mũ, Găng, Ủng, Thảm cách điện.

- Thử nghiệm an toàn, tính năng cho các sản phẩm chiếu sáng:

- ✓ Đèn đường phố, Đèn giao thông.
- ✓ Đèn LED, Màn hình LED (quảng cáo, trang trí, thông tin...).

- ✓ Đèn huỳnh quang, Balat điện tử, Balat sắt từ, Bộ điều khiển đèn.
- ✓ Đèn sân khấu - trình diễn nghệ thuật.
- ✓ Đèn chiếu sáng công trình xây dựng: Sân vận động, lớp học, quảng trường, cầu - hầm.
- **Thử nghiệm, đánh giá an toàn đối với hệ thống lắp đặt điện:**
 - ✓ Hệ thống điện tòa nhà.
 - ✓ Hệ thống điện năng lượng mặt trời.
- **Thử nghiệm an toàn cơ bản đối với thiết bị điện y tế, hệ thống điện y tế:**
 - ✓ Máy thở, máy hút dịch.
 - ✓ Giường bệnh (dùng điện).
- **Thử nghiệm hiệu suất năng lượng:**
 - ✓ Nhóm thiết bị gia dụng: Bóng đèn huỳnh quang Compact, Balat điện tử dùng cho bóng đèn huỳnh quang, Balat điện tử dùng cho bóng đèn huỳnh quang, Bóng đèn huỳnh quang ống thẳng, Quạt điện, Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh, Máy giặt gia dụng, Máy thu hình, Nồi cơm điện, Bình đun nước nóng có dự trữ, Đèn LED, Tủ giữ lạnh thương mại.
 - ✓ Nhóm thiết bị văn phòng và thương mại: Màn hình máy tính, Máy in, Máy photocopy, Máy tính xách tay.
 - ✓ Nhóm thiết bị công nghiệp: Động cơ điện không đồng bộ ba pha roto lồng sóc, Máy biến áp phân phối.
- **Thử nghiệm tương tích điện từ (EMC):**
 - ✓ Các thiết bị điện và điện tử gia dụng: Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời, máy khoan cầm tay hoạt động bằng động cơ điện, máy hút bụi, máy giặt, tủ lạnh-tủ đá, điều hòa nhiệt độ, bóng đèn có balat lắp liền, máy sấy tóc, máy xay sinh tố, máy xay thịt, máy ép trái cây, máy đánh trứng, lò vi sóng, bếp điện.
 - ✓ Các sản phẩm chiếu sáng sử dụng công nghệ LED.
- **Thử nghiệm cao áp:**
 - ✓ Thử nghiệm điện áp tăng cao tần số công nghiệp: đến 250kV
 - ✓ Thử nghiệm xung (dạng 1,2/50μs): đến 600kV
- **Thử nghiệm môi trường:**
 - ✓ Thử nghiệm mô phỏng các điều kiện khí hậu như: thử nghiệm nóng khô, thử nghiệm nóng ẩm, thử nghiệm lạnh, thử nghiệm sương muối.
 - ✓ Thử nghiệm va đập, thử nghiệm rung.
 - ✓ Đo độ ồn, đo các thông số về rung động, vận tốc, gia tốc.
 - ✓ Thử nghiệm, đánh giá khả năng chống lại nước xâm nhập đối với vỏ bảo vệ (Cấp bảo vệ: IPX1 ~ IPX8).

- ✓ Thử nghiệm, đánh giá khả năng chống lại vật rắn xâm nhập đối với vỏ bảo vệ (Cấp bảo vệ: IP1X ~ IP6X).
- **Thử nghiệm cháy:**
 - ✓ Thử nghiệm nén viên bi.
 - ✓ Thử nghiệm cháy bằng sợi dây nóng đỏ.
 - ✓ Thử nghiệm ngọn lửa hình kim.
 - ✓ Thử nghiệm cháy đứng, cháy ngang.
- **Thử nghiệm khác:**
 - ✓ Thử nghiệm ắc quy dùng cho ô tô, xe máy.
 - ✓ Thử nghiệm máy biến đổi đo lường (Máy biến dòng, máy biến điện áp kiểu cảm ứng).
 - ✓ Thử nghiệm vật liệu dẫn điện, vật liệu cách điện.
 - ✓ Thử nghiệm mô đun quang điện (Tấm pin năng lượng mặt trời).
 - ✓ Thử nghiệm cáp thông tin.
 - ✓ Thử nghiệm cáp dùng cho hệ thống điện năng lượng mặt trời.
 - ✓ Đo suy hao cáp quang.
- **Đào tạo & Tư vấn**
 - ✓ Đào tạo thử nghiệm viên.
 - ✓ Tư vấn xây dựng Phòng thử nghiệm.
 - ✓ Tư vấn kỹ thuật.

TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
V/v thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng 1

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 15-CP ngày 02/03/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 22-CP ngày 22/05/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Xét đề nghị của các ông Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức và Cán bộ khoa học;

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng 1 (gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) trên cơ sở các phòng Thử nghiệm, các phòng Đo lường và các phòng Nghiệp vụ của Trung tâm Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng khu vực 1. Trụ sở đặt tại thành phố Hà nội.
- Điều 2:** Trung tâm Kỹ thuật 1 là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng và có con dấu để giao dịch công tác.
- Điều 3:** Trung tâm Kỹ thuật 1 có nhiệm vụ chính sau đây :
1. Tiến hành thử nghiệm, thẩm định, đánh giá, giám định chất lượng hàng hoá và đo lường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cũng như các yêu cầu quản lý nhà nước của các cơ quan Hải quan, Môi trường, Quản lý thị trường, Công nghệ, Tư pháp... Ngoài ra được phép khai thác năng lực đo lường, thử nghiệm để phục vụ các yêu cầu của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.
 2. Bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường và tiến hành kiểm định chuẩn theo phân cấp của Tổng cục đối với Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh...
 3. Tham gia xây dựng Tiêu chuẩn Việt nam (TCVN), tiêu chuẩn Quốc tế.
 4. Tổ chức công tác thông tin, đào tạo, hợp tác Quốc tế trên địa bàn theo sự phân công của Tổng cục.

5. Quản lý cán bộ, tài sản theo quy định.

Điều 4: Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật 1 để trình Bộ ký duyệt và ban hành.

Điều 5: Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 6: Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ khoa học, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận

- Tổng cục TCĐLCL
- VP Bộ
- Vụ TCCBKH

Muh



Dũng Hùng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Mã số: 0100111602

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 04 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 05 tháng 11 năm 2018

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng Việt:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng nước ngoài: QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết tắt: QUATEST1

2. Địa chỉ trụ sở chính: *Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 024.38361399

Fax: 024.38361399

Email: hanhchinh@quatest1.com.vn

Website: www.quatest1.com.vn

3. Ngành, nghề kinh doanh:

Số TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Chi tiết: - Kiểm tra, thử nghiệm và đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo chỉ định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; - Kiểm định phương tiện đo trong phạm vi được công nhận; - Hiệu chuẩn, kiểm tra và đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo; - Chứng nhận sản phẩm, dịch vụ phù hợp tiêu chuẩn và các quy chuẩn kỹ thuật; - Thử nghiệm, đánh giá, thẩm định chất lượng, kỹ thuật, vệ sinh, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật liệu, cấu kiện, dự án và công trình theo yêu cầu của các cơ quan quản	7120

Số TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	lý, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân; - Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng hàng hóa, công trình phù hợp tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra hàn không phá hủy (NDT), kỹ năng thợ hàn; - Kiểm tra an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn;	
2.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Giám định thương mại - Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, chuyển giao công nghệ và an toàn công nghiệp, tư vấn và đánh giá chất lượng công trình xây dựng theo quy định: quan trắc, đánh giá tác động và thực trạng môi trường;	7490
3.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học: Chi tiết: Cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các phương tiện đo, thiết bị thử nghiệm, thiết bị kỹ thuật	3313
4.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Chi tiết: Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và các phương tiện đo Tổ chức thực hiện, nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	7210
5.	Giáo dục nghề nghiệp: Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật về chất lượng, đo lường, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, các hệ thống quản lý, công cụ quản lý chất lượng và các nội dung có liên quan khác (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép)	8532

4. Tổng giá trị tài sản được giao quản lý và sử dụng tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp: 24.486.372.888 đồng

Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm tám mươi tám đồng.

5. Tên cơ quan chủ quản: TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

6. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức khoa học và công nghệ:

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: **KIM ĐỨC THỤ** Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *10/05/1966* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Căn cước công dân*

Số: *026066002265* Ngày cấp: *13/8/2018*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.*



TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Kim Tuyền



QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định khi bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký lần đầu, ngày 07/9/1995 (số đăng ký: 417)

Đăng ký lần thứ hai, ngày 03/5/2006 (số đăng ký: A-502)

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

Tên viết tắt bằng tiếng Việt:

Trung tâm Kỹ thuật 1

Tên viết bằng tiếng nước ngoài:

Quality Assurance and Testing Center 1

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: QUATEST 1

Trụ sở chính:

Số 8, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Tổng số vốn đăng ký: 6.863.898.293 đồng

Quyết định thành lập số: 1373/QĐ
ngày 05 tháng 11 năm 1994

Cơ quan quyết định thành lập:

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
(nay là Bộ Khoa học và Công nghệ)

Cơ quan quản lý trực tiếp:

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

SỐ ĐĂNG KÝ : A - 502

Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ:

- Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Tham gia xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Thực hiện các chương trình, đề tài theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm.
- Chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và phương tiện đo.
- Dịch vụ KH&CN: Đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và quá trình; Kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo; Thử nghiệm chất lượng, vệ sinh, an toàn các sản phẩm, hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, công trình; Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường; Giám định sản phẩm hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền sản xuất, chuyển giao công nghệ và chất lượng công trình xây dựng; Kiểm định an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng; Tư vấn giám sát và đánh giá chất lượng công trình, giám sát lắp đặt, chế tạo thiết bị; Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn đổi mới công nghệ; Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra không phá hủy, kỹ năng thợ hàn; Tư vấn quản lý dự án, đầu thầu, xây dựng các giải pháp kỹ thuật, lập các dự án đầu tư và trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường; Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, cung ứng thiết bị thử nghiệm và các thiết bị kỹ thuật khác trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2010

KT. BỘ TRƯỞNG
TU TRƯỞNG



Nguyễn Quân

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM KỸ THUẬT 1

Số: 699 /QĐ - TĐC

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019

C.V. Số: 699
Ngày: 04/06/19
Chuyên: B&D

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

**TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1373/QĐ-TĐC ngày 27 tháng 6 năm 2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN để b/cáo;
- Lưu VT, TCCB.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trần Văn Vinh



ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động của
Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2019/QĐ-TĐC ngày 22 tháng 4 năm 2019
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Chương I
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (sau đây gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi tắt là Tổng cục) cố chức năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phục vụ quản lý nhà nước và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tên giao dịch quốc tế là Quality Assurance and Testing Center 1 (viết tắt là QUATEST1).

3. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật. Trung tâm Kỹ thuật 1 có trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển và hoạt động dài hạn, ngắn hạn, hàng năm của Trung tâm Kỹ thuật 1.

2. Đề xuất, tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản kỹ thuật liên quan; phối hợp thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước trong hoạt động thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan tới lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực: Chứng nhận, giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình... theo yêu cầu hoặc chỉ định của các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, xây dựng và triển khai các phương pháp, quy trình: thử nghiệm, hiệu chuẩn, kiểm định, giám định, phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa, đánh giá

thử nghiệm thành thạo và so sánh liên phòng đối với hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn.

5. Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn, mẫu thử, phương tiện đo, trang thiết bị đo lường, thử nghiệm,...thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp các dịch vụ:

6.1 Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, phê duyệt mẫu phương tiện đo, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo, theo quy định của pháp luật;

6.2. Thử nghiệm đánh giá chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, công trình, hiệu suất năng lượng, sản phẩm biến đổi gen và vệ sinh an toàn thực phẩm. Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường;

6.3. Giám định sản phẩm hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất, chất lượng công trình. Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn xây dựng các giải pháp kỹ thuật, đổi mới công nghệ;

6.4. Đánh giá chứng nhận các Hệ thống quản lý, chứng nhận sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

6.5. Đánh giá quy trình hàn, kỹ năng thợ hàn theo tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế

6.6. Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động: Các loại máy, thiết bị, hệ thống thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; kiểm định chất lượng công trình xây dựng; lắp đặt dây chuyền, công nghệ.

6.7. Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, giám sát lắp đặt, cung ứng thiết bị, chuyển giao công nghệ. Tư vấn lập các dự án đầu tư trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật;

7. Phối hợp với Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa để cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng phục vụ quản lý nhà nước theo yêu cầu của Tổng cục trưởng.

8. Tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện các hợp đồng dịch vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hướng dẫn thực tập sinh theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân.

10. Hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước về các nội dung liên quan đến hoạt động của Trung tâm theo quy định của Tổng cục và của pháp luật;

11. Quản lý công chức, viên chức, người lao động, hồ sơ, tài chính, tài sản và tài liệu của Trung tâm theo phân cấp và theo quy định của pháp luật;

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng cục trưởng giao.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 3. Lãnh đạo Trung tâm Kỹ thuật 1

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 gồm Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.
2. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 do Tổng cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về toàn bộ tổ chức hoạt động của Trung tâm.
3. Các Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 thực hiện nhiệm vụ chuyên môn giúp Giám đốc phụ trách một số công việc theo phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công. Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 do Tổng cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.
4. Trong trường hợp Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật 1, chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về việc điều hành của mình, sau đó báo cáo Giám đốc.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Hành chính - Tổ chức.
2. Phòng Quản trị cơ sở Nam Thăng Long.
3. Phòng Kế hoạch - Tài chính.
4. Phòng Hỗ trợ kỹ thuật.
5. Phòng Nghiên cứu và Phát triển.
6. Phòng Nghiệp vụ Cơ khí, Điện, Điện tử (gọi tắt là phòng Nghiệp vụ 1).
7. Phòng Nghiệp vụ Hoá chất, Vật liệu xây dựng (gọi tắt là phòng Nghiệp vụ 2).
8. Phòng nghiệp vụ Thực phẩm, Hàng tiêu dùng (gọi tắt là phòng Nghiệp vụ 3).
9. Phòng Chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy (gọi tắt là phòng Chứng nhận).
10. Phòng Thử nghiệm Cơ khí và Vật liệu xây dựng (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 1).
11. Phòng Thử nghiệm Điện, Điện tử, Hiệu suất năng lượng (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 2).
12. Phòng Thử nghiệm Hàng tiêu dùng (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 3).
13. Phòng Thử nghiệm Thực phẩm (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 4).
14. Phòng Thử nghiệm Môi trường và Hoá chất (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 5).
15. Phòng Thử nghiệm Xăng, Dầu, Khí (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 6).

16. Phòng Thử nghiệm Không phá huỷ và An toàn công nghiệp (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 7).

17. Phòng Thử nghiệm Vi sinh và GMO (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 8).

18. Phòng Đo lường Khối lượng (gọi tắt là phòng Đo lường 1).

19. Phòng Đo lường Điện (gọi tắt là phòng Đo lường 2).

20. Phòng Đo lường Cơ và Độ dài (gọi tắt là phòng Đo lường 3).

21. Phòng Đo lường Nhiệt, Âm, Hóa lý (gọi tắt là phòng Đo lường 4).

22. Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng (gọi tắt là phòng Đo lường 5).

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 được thành lập Hội đồng Khoa học để tư vấn cho Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo của Trung tâm. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học do Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 quy định.

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trung tâm. Việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc Trung tâm do Tổng cục Trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó các đơn vị thuộc Trung tâm theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Tổng cục và quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhân lực của Trung tâm

1. Công chức, viên chức;
2. Lao động hợp đồng.
3. Cộng tác viên.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 làm việc theo chế độ thủ trưởng.
2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.
3. Trung tâm Kỹ thuật 1 thực hiện chế độ làm việc, quan hệ công tác với các đơn vị thuộc Tổng cục theo quy chế làm việc của Tổng cục và các quy định khác có liên quan.
4. Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài Tổng cục có liên quan theo quy định trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 7. Nguồn thu

1. Nguồn do ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của Trung tâm.
3. Nguồn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước
4. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các khoản chi

1. Chi hoạt động thường xuyên
2. Chi các hoạt động dịch vụ tư vấn, đào tạo và nghiên cứu theo các hợp đồng đã ký kết.
3. Chi tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm.
4. Chi thực hiện nhiệm vụ được giao.
5. Các khoản chi khác theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm và các quy định khác của pháp luật.

Điều 9. Chế độ quản lý tài chính, tài sản

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 được áp dụng cơ chế quản lý tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật.
2. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, tài sản của Trung tâm; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước; trích lập các quỹ và thực hiện chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện Điều lệ này.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét, quyết định./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trần Văn Vinh

NĂNG LỰC

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁC BỘ NGÀNH

STT	Quyết định số	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
	Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định			
1	337/TĐC-HCHQ	7/2/2018	Bộ KH-CN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: - Cơ, không phá hủy (NDT) - Vật liệu xây dựng - Điện - Điện tử (An toàn; Hiệu suất; Tương thích điện từ) - Hóa học (Thành phần hóa học của sản phẩm; Chất; Môi trường) - Sinh học (Vi sinh - GMO; Dược phẩm; An toàn sinh học) Số đăng ký: 72/TN-TĐC
2	2404/TĐC-HCHQ	24/8/2018	Bộ KH-CN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: - Cơ, không phá hủy (NDT) - Vật liệu xây dựng - Điện - Điện tử - Hóa học - Sinh học Số đăng ký: 72/TN-TĐC/L2
3	3051/TĐC-HCHQ	30/9/2019	Bộ KH-CN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Hóa Số đăng ký: 72/TN-TĐC
4	452/TĐC-HCHQ	25/02/2020	Bộ KH-CN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Hóa, Cơ; Điện - Điện tử; Vật liệu xây dựng, Sinh Số đăng ký: 72/TN-TĐC
5	2390/TĐC-HCHQ	28/7/2020	Bộ KH-CN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Hóa, Cơ; Điện - Điện tử; Vật liệu xây dựng, Sinh Số đăng ký: 72/TN-TĐC
6	2468/TĐC-HCHQ	03/8/2020	Bộ KH-CN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp

STT	Quyết định số	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
				đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử Số đăng ký: 72/TN-TĐC
7	4425/TĐC-HCHQ	25/12/2020	Bộ KHCHN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử, Hóa, Sinh Số đăng ký: 72/TN-TĐC
8	2352/TĐC-HCHQ	27/7/2021	Bộ KHCHN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử, Hóa, Sinh Số đăng ký: 72/TN-TĐC
9	3160/TĐC-HCHQ	25/10/2021	Bộ KHCHN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử, Cơ khí và Vật liệu xây dựng, Sinh (Vi sinh – GMO) Số đăng ký: 72/TN-TĐC
10	1849/QĐ-TĐC	13/10/2020	Bộ KHCHN - TĐC	Quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật về tương thích điện từ (EMC) đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa
11	1592/QĐ-TĐC	27/9/2018	Bộ KHCHN - TĐC	Quyết định chỉ định thử nghiệm, chứng nhận, giám định chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ bao gồm: • Xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học • Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy • An toàn đồ chơi trẻ em • An toàn thiết bị điện, điện tử • Thép làm cốt bê tông • Khí dầu mỏ hóa lỏng • Tương thích điện từ với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự
12	437/QĐ-TĐC	19/3/2020	Bộ KHCHN - TĐC	Quyết định chỉ định thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan đến

STT	Quyết định số	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
				an toàn, sức khỏe và môi trường đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa
	Văn phòng công nhận chất lượng BoA đánh giá và công nhận			
1	902.2020/QĐ-VPCNCL	19/11/2020	Văn phòng công nhận chất lượng BoA	Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Điện - Điện tử và Hiệu suất năng lượng) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 Lĩnh vực công nhận: Điện - Điện tử Mã số: VILAS 028



Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
(PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG)
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Laboratory:

QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER NO.1
(ELECTRIC, ELECTRONIC AND ENERGY EFFICIENCY TESTING LABORATORY)
DIRECTORATE FOR STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của
has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

Electrical - Electronics

Mã số

Accreditation No

VILAS 028

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



VŨ XUÂN THUỶ

Ngày/ Date of Issue: 19/11/2020 (Annex of decision: 902.2020/QĐ-VPCNCL date 19/11/2020)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 06/05/2023

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 06/05/2011

Số: 902.2020/QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHCHN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc qui định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCHN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
(PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG)

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 với danh mục các phép thử nghiệm
kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VILAS 028**.

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 06 tháng 05 năm 2023 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Nơi nhận:

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 902.2020/QĐ - VPCNCL ngày 19 tháng 11 năm 2020
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1**
Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng

Laboratory: **Quality Assurance and Testing Center 1**
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

Cơ quan chủ quản: **Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

Organization: **Directorate for Standard Metrology and Quality**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện - Điện tử**

Field of testing: **Electric - Electronic**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Kim Đức Thụ**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên / Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Đặng Thanh Tùng	Tất cả các phép thử được công nhận / Accredited tests
2.	Nguyễn Anh Tùng	Tất cả các phép thử được công nhận / Accredited tests

Số hiệu/ Code: **VILAS 028**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **06/05/2023**

Địa chỉ/ Address: **Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội**

Địa điểm/Location:

1. Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội

2. Lô B2-3-6A, KCN Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại/ Tel: **024 3756 4632**

Fax: **024 3836 1199**

E-mail: **testlab2@quatest1.com.vn**

Website: **www.quatest1.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1	Bàn là điện <i>Electric irons</i>	Phân loại <i>Classification</i>		TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-3:2010 IEC 60335-2-3:2008
2		Kiểm tra ghi nhãn và hướng dẫn <i>Marking and instructions check</i>		
3		Kiểm tra bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện <i>Protection against accessibility to live parts test</i>		
4		Thử nghiệm khởi động thiết bị truyền động bằng động cơ điện / <i>Starting of motor-operated appliances test</i>		
5		Đo công suất vào và dòng điện <i>Power input and current test</i>	(0,75 ~ 1000) V (0,005 ~ 50) A (5 ~ 50000) W	
6		Thử nghiệm phát nóng <i>Heating test</i>	(0,1 ~ 1 370) °C	
7		Đo dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc <i>Leakage current and electric strength at operating temperature test</i>	(0,004 ~ 75) mA (0,05 ~ 5) kVAC	
8		Thử nghiệm quá điện áp quá độ <i>Transient voltage test</i>	(1,2/50 µs) (0,5 ~ 12) kV	
9		Thử nghiệm khả năng chống ẩm <i>Moisture resistance test</i>	IP1X ~ IP6X IPX1 ~ IPX8 (20 ~ 80) °C (20 ~ 98) % RH	
10		Đo dòng điện rò và độ bền điện <i>Leakage current and electric strength test</i>	(0,004 ~ 75) mA (0,05 ~ 5) kVAC	
11		Thử nghiệm bảo vệ quá tải máy biến áp và các mạch liên quan <i>Overload protection of transformers and associated circuits test</i>		
12		Thử nghiệm độ bền <i>Endurance test</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
13	Bàn là điện <i>Electric irons</i>	Thử nghiệm hoạt động không bình thường <i>Abnormal operation test</i>	(0,1 ~ 1370) °C	TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-3:2010 IEC 60335-2-3:2008
14		Thử nghiệm sự ổn định và nguy hiểm cơ học <i>Stability and mechanical hazards test</i>		
15		Thử nghiệm độ bền cơ <i>Mechanical strength test</i>		
16		Kiểm tra kết cấu <i>Construction test</i>		
17		Kiểm tra dây dẫn bên trong <i>Internal wiring test</i>		
18		Kiểm tra linh kiện <i>Components test</i>		
19		Kiểm tra đầu nối nguồn và dây dẫn mềm bên ngoài <i>Supply connection and external flexible cords test</i>		
20		Kiểm tra đầu nối dùng cho các ruột dẫn bên ngoài <i>Terminal for external conductors test</i>		
21		Thử nghiệm qui định cho nối đất <i>Provision for earthing test</i>		
22		Kiểm tra vít và các mối nối <i>Screw and connections test</i>		
23		Đo khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn <i>Creepage distances, clearances and distances through insulation test</i>	(0,01 ~ 150) mm	
24		Thử nghiệm khả năng chịu nhiệt và chịu cháy <i>Resistance to heat and fire test</i>	(1 ~ 1000) °C	
25		Thử nghiệm khả năng chống gỉ <i>Resistance to rusting test</i>		
26		Thử nghiệm bức xạ, độc hại và các rủi ro tương tự / <i>Radiation, toxicity and similar hazards test</i>		

N

C

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
27	Lò nướng, lò nướng bánh mì và các thiết bị nướng di động tương tự Grills, toasters and similar portable cooking appliances	Phân loại Classification		TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-9:2017 IEC 60335-2-9:2016
28		Kiểm tra ghi nhãn và hướng dẫn Marking and instructions check		
29		Kiểm tra bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện Protection against accessibility to live parts test		
30		Thử nghiệm khởi động thiết bị truyền động bằng động cơ điện / Starting of motor-operated appliances test		
31		Đo công suất vào và dòng điện Power input and current test	(0,75 ~ 1000) V (0,005 ~ 50) A (5 ~ 50000) W	
32		Thử nghiệm phát nóng Heating test	(0,1 ~ 1 370) °C	
33		Đo dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc Leakage current and electric strength at operating temperature test	(0,004 ~ 75) mA (0,05 ~ 5) kVAC	
34		Thử nghiệm quá điện áp quá độ Transient voltage test	(1,2/50 µs) (0,5 ~ 12) kV	
35		Thử nghiệm khả năng chống ẩm Moisture resistance test	IP1X ~ IP6X IPX1 ~ IPX8 (20 ~ 80) °C (20 ~ 98) % RH	
36		Đo dòng điện rò và độ bền điện Leakage current and electric strength test	(0,004 ~ 75) mA (0,05 ~ 5) kVAC	
37		Thử nghiệm bảo vệ quá tải máy biến áp và các mạch liên quan Overload protection of transformers and associated circuits test		
38		Thử nghiệm độ bền Endurance test		
39		Thử nghiệm hoạt động không bình thường Abnormal operation test	(0,1 ~ 1370) °C	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
40	Lò nướng, lò nướng bánh mỳ và các thiết bị nướng di động tương tự <i>Grills, toasters and similar portable cooking appliances</i>	Thử nghiệm sự ổn định và nguy hiểm cơ học <i>Stability and mechanical hazards test</i>		TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-9:2017 IEC 60335-2-9:2016
41		Thử nghiệm độ bền cơ <i>Mechanical strength test</i>		
42		Kiểm tra kết cấu <i>Construction test</i>		
43		Kiểm tra dây dẫn bên trong <i>Internal wiring test</i>		
44		Kiểm tra linh kiện <i>Components test</i>		
45		Kiểm tra đầu nối nguồn và dây dẫn mềm bên ngoài <i>Supply connection and external flexible cords test</i>		
46		Kiểm tra đầu nối dùng cho các ruột dẫn bên ngoài <i>Terminal for external conductors test</i>		
47		Thử nghiệm qui định cho nối đất <i>Provision for earthing test</i>		
48		Kiểm tra vít và các mối nối <i>Screw and connections test</i>		
49		Đo khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn <i>Creepage distances, clearances and distances through insulation test</i>	(0,01 ~ 150) mm	
50		Thử nghiệm khả năng chịu nhiệt và chịu cháy <i>Resistance to heat and fire test</i>	(1 ~ 1000) °C	
51		Thử nghiệm khả năng chống gỉ <i>Resistance to rusting test</i>		
52		Thử nghiệm bức xạ, độc hại và các rủi ro tương tự / <i>Radiation, toxicity and similar hazards test</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
53	Thiết bị đun chất lỏng Appliances for heating liquids	Phân loại Classification		TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-15:2013 IEC 60335-2-15:2012
54		Kiểm tra ghi nhãn và hướng dẫn Marking and instructions check		
55		Kiểm tra bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện Protection against accessibility to live parts test		
56		Thử nghiệm khởi động thiết bị truyền động bằng động cơ điện / Starting of motor-operated appliances test		
57		Đo công suất vào và dòng điện Power input and current test	(0,75 ~ 1000) V (0,005 ~ 50) A (5 ~ 50000) W	
58		Thử nghiệm phát nóng Heating test	(0,1 ~ 1 370) °C	
59		Đo dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc Leakage current and electric strength at operating temperature test	(0,004 ~ 75) mA (0,05 ~ 5) kVAC	
60		Thử nghiệm quá điện áp quá độ Transient voltage test	(1,2/50 µs) (0,5 ~ 12) kV	
61		Thử nghiệm khả năng chống ẩm Moisture resistance test	IP1X ~ IP6X IPX1 ~ IPX8 (20 ~ 80) °C (20 ~ 98) % RH	
62		Đo dòng điện rò và độ bền điện Leakage current and electric strength test	(0,004 ~ 75) mA (0,05 ~ 5) kVAC	
63		Thử nghiệm bảo vệ quá tải máy biến áp và các mạch liên quan Overload protection of transformers and associated circuits test		
64		Thử nghiệm độ bền Endurance test		
65		Thử nghiệm hoạt động không bình thường Abnormal operation test	(0,1 ~ 1370) °C	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
66	Thiết bị đun chất lỏng <i>Appliances for heating liquids</i>	Thử nghiệm sự ổn định và nguy hiểm cơ học <i>Stability and mechanical hazards test</i>		TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-15:2013 IEC 60335-2-15:2012
67		Thử nghiệm độ bền cơ <i>Mechanical strength test</i>		
68		Kiểm tra kết cấu <i>Construction test</i>		
69		Kiểm tra dây dẫn bên trong <i>Internal wiring test</i>		
70		Kiểm tra linh kiện <i>Components test</i>		
71		Kiểm tra đầu nối nguồn và dây dẫn mềm bên ngoài <i>Supply connection and external flexible cords test</i>		
72		Kiểm tra đầu nối dùng cho các ruột dẫn bên ngoài <i>Terminal for external conductors test</i>		
73		Thử nghiệm qui định cho nối đất <i>Provision for earthing test</i>		
74		Kiểm tra vít và các mối nối <i>Screw and connections test</i>		
75		Đo khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn <i>Creepage distances, clearances and distances through insulation test</i>	(0,01 ~ 150) mm	
76		Thử nghiệm khả năng chịu nhiệt và chịu cháy <i>Resistance to heat and fire test</i>	(1 ~ 1000) °C	
77		Thử nghiệm khả năng chống gỉ <i>Resistance to rusting test</i>		
78		Thử nghiệm bức xạ, độc hại và các rủi do tương tự / <i>Radiation, toxicity and similar hazards test</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
79	Thiết bị dùng để chăm sóc da hoặc tóc <i>Appliances for skin or hair care</i>	Phân loại <i>Classification</i>		TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-23:2013 IEC 60335-2-23:2012
80		Kiểm tra ghi nhãn và hướng dẫn <i>Marking and instructions check</i>		
81		Kiểm tra bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện <i>Protection against accessibility to live parts test</i>		
82		Thử nghiệm khởi động thiết bị truyền động bằng động cơ điện / <i>Starting of motor-operated appliances test</i>		
83		Đo công suất vào và dòng điện <i>Power input and current test</i>	(0,75 ~ 1000) V (0,005 ~ 50) A (5 ~ 50000) W	
84		Thử nghiệm phát nóng <i>Heating test</i>	(0,1 ~ 1 370) °C	
85		Đo dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc <i>Leakage current and electric strength at operating temperature test</i>	(0,004 ~ 75) mA (0,05 ~ 5) kVAC	
86		Thử nghiệm quá điện áp quá độ <i>Transient voltage test</i>	(1,2/50 µs) (0,5 ~ 12) kV	
87		Thử nghiệm khả năng chống ẩm <i>Moisture resistance test</i>	IP1X ~ IP6X IPX1 ~ IPX8 (20 ~ 80) °C (20 ~ 98) % RH	
88		Đo dòng điện rò và độ bền điện <i>Leakage current and electric strength test</i>	(0,004 ~ 75) mA (0,05 ~ 5) kVAC	
89		Thử nghiệm bảo vệ quá tải máy biến áp và các mạch liên quan <i>Overload protection of transformers and associated circuits test</i>		
90		Thử nghiệm độ bền <i>Endurance test</i>		
91		Thử nghiệm hoạt động không bình thường <i>Abnormal operation test</i>	(0,1 ~ 1370) °C	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
92	Thiết bị dùng để chăm sóc da hoặc tóc <i>Appliances for skin or hair care</i>	Thử nghiệm sự ổn định và nguy hiểm cơ học <i>Stability and mechanical hazards test</i>		TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-23:2013 IEC 60335-2-23:2012
93		Thử nghiệm độ bền cơ <i>Mechanical strength test</i>		
94		Kiểm tra kết cấu <i>Construction test</i>		
95		Kiểm tra dây dẫn bên trong <i>Internal wiring test</i>		
96		Kiểm tra linh kiện <i>Components test</i>		
97		Kiểm tra đầu nối nguồn và dây dẫn mềm bên ngoài <i>Supply connection and external flexible cords test</i>		
98		Kiểm tra đầu nối dùng cho các ruột dẫn bên ngoài <i>Terminal for external conductors test</i>		
99		Thử nghiệm qui định cho nối đất <i>Provision for earthing test</i>		
100		Kiểm tra vít và các mối nối <i>Screw and connections test</i>		
101		Đo khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn <i>Creepage distances, clearances and distances through insulation test</i>	(0,01 ~ 150) mm	
102		Thử nghiệm khả năng chịu nhiệt và chịu cháy <i>Resistance to heat and fire test</i>	(1 ~ 1000) °C	
103		Thử nghiệm khả năng chống gỉ <i>Resistance to rusting test</i>		
104		Thử nghiệm bức xạ, độc hại và các rủi ro tương tự / <i>Radiation, toxicity and similar hazards test</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
105	Quạt điện <i>Fans</i>	Phân loại <i>Classification</i>		TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-80:2007 IEC 60335-2-80:2004
106		Kiểm tra ghi nhãn và hướng dẫn <i>Marking and instructions check</i>		
107		Kiểm tra bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện <i>Protection against accessibility to live parts test</i>		
108		Thử nghiệm khởi động thiết bị truyền động bằng động cơ điện / <i>Starting of motor-operated appliances test</i>		
109		Đo công suất vào và dòng điện <i>Power input and current test</i>	(0,75 ~ 1000) V (0,005 ~ 50) A (5 ~ 50000) W	
110		Thử nghiệm phát nóng <i>Heating test</i>	(0,1 ~ 1 370) °C	
111		Đo dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc <i>Leakage current and electric strength at operating temperature test</i>	(0,004 ~ 75) mA (0,05 ~ 5) kVAC	
112		Thử nghiệm quá điện áp quá độ <i>Transient voltage test</i>	(1,2/50 µs) (0,5 ~ 12) kV	
113		Thử nghiệm khả năng chống ẩm <i>Moisture resistance test</i>	IP1X ~ IP6X IPX1 ~ IPX8 (20 ~ 80) °C (20 ~ 98) % RH	
114		Đo dòng điện rò và độ bền điện <i>Leakage current and electric strength test</i>	(0,004 ~ 75) mA (0,05 ~ 5) kVAC	
115		Thử nghiệm bảo vệ quá tải máy biến áp và các mạch liên quan <i>Overload protection of transformers and associated circuits test</i>		
116		Thử nghiệm độ bền <i>Endurance test</i>		
117		Thử nghiệm hoạt động không bình thường <i>Abnormal operation test</i>	(0,1 ~ 1370) °C	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
118	Quạt điện <i>Fans</i>	Thử nghiệm sự ổn định và nguy hiểm cơ học <i>Stability and mechanical hazards test</i>		TCVN 5699-1:2010 IEC 60335-1:2010 TCVN 5699-2-80:2007 IEC 60335-2-80:2004
119		Thử nghiệm độ bền cơ <i>Mechanical strength test</i>		
120		Kiểm tra kết cấu <i>Construction test</i>		
121		Kiểm tra dây dẫn bên trong <i>Internal wiring test</i>		
122		Kiểm tra linh kiện <i>Components test</i>		
123		Kiểm tra đầu nối nguồn và dây dẫn mềm bên ngoài <i>Supply connection and external flexible cords test</i>		
124		Kiểm tra đầu nối dùng cho các ruột dẫn bên ngoài <i>Terminal for external conductors test</i>		
125		Thử nghiệm qui định cho nối đất <i>Provision for earthing test</i>		
126		Kiểm tra vít và các mối nối <i>Screw and connections test</i>		
127		Đo khe hở không khí, chiều dài đường rò và cách điện rắn <i>Creepage distances, clearances and distances through insulation test</i>	(0,01 ~ 150) mm	
128		Thử nghiệm khả năng chịu nhiệt và chịu cháy <i>Resistance to heat and fire test</i>	(1 ~ 1000) °C	
129		Thử nghiệm bức xạ, độc hại và các rủi ro tương tự / <i>Radiation, toxicity and similar hazards test</i>		
130		Đo tốc độ gió <i>Air velocity measurement</i>	(0,25 ~ 3) m/s	TCVN 7826:2015 TCVN 7827:2015

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
131	Đèn, Bộ điều khiển đèn, môđun LED <i>Luminaires Lamps, Lamp controlgear, LED modules</i>	Kiểm tra ghi nhãn <i>Marking</i>	-	TCVN 7672:2014 TCVN 5175:2014 TCVN 8781:2015 TCVN 8782:2011 TCVN 7722-1:2017 TCVN 7722-2 TCVN 7590-1:2010 TCVN 7590-2-3:2015 TCVN 7590-2-8:2006 TCVN 7590-2-9:2007 TCVN 7590-2-13:2013
132		Kiểm tra đầu nối, dây đi, kết cấu <i>Terminals, wiring, construction check</i>	-	
133		Thử nghiệm bảo vệ chống chạm tới bộ phận mang điện, chống điện giật <i>Protection against accidental contact with live parts, electric shock test</i>	-	
134		Kiểm tra yêu cầu đối với nối đất bảo vệ / Provision for earthing test	$(0,01 \sim 5.10^{-3}) \Omega$	
135		Thử nghiệm khả năng chống bụi, vật rắn và hơi ẩm và cách điện <i>Resistance to dust, solid objects and moisture and insulation test</i>	$(0,1 \sim 70) ^\circ\text{C}$ $(0,1 \sim 100) \% \text{RH}$	
136		Thử nghiệm độ bền và thử nghiệm nhiệt <i>Endurance test and thermal test</i>	$(0,1 \sim 300) ^\circ\text{C}$	
137		Thử nghiệm điều kiện sự cố <i>Abnormal condition test</i>	-	
138		Kiểm tra vít, bộ phận mang dòng, đầu nối, mối nối điện / Screw, current- carrying parts, screw terminals, electrical connections check	$(0,01 \sim 500) \text{ N}$	
139		Đo khe hở không khí và chiều dài đường rò / Creepage distances and clearances measurement	$(0,1 \sim 8) \text{ mm}$	
140		Thử nghiệm chịu nhiệt, cháy và phóng điện bề mặt / Resistance to heat, fire and tracking test	$(0,1 \sim 1\ 000) ^\circ\text{C}$	
141		Thử nghiệm khả năng chống gỉ <i>Resistance to rust test</i>	-	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
142	Vỏ bảo vệ ngoài <i>Enclosures</i>	Thử nghiệm bảo vệ chống nước xâm nhập ⁽²⁾ / <i>Protection against ingress of water test</i>	IPX1 ~ IPX8	TCVN 4255:2008 IEC 60529:2013
143		Thử nghiệm bảo vệ chống chạm đến bộ phận nguy hiểm, vật rắn xâm nhập ⁽²⁾ / <i>Protection against hazard parts, solid foreign objects test</i>	IP1X ~ IP6X	
144	Balát, bộ điều khiển đèn, môđun LED <i>Ballast, control gear for luminaires / lamps, LED modules</i>	Thử nghiệm điện áp, công suất, dòng điện, hệ số công suất, trở kháng <i>Test on voltage, power, current, power factor, impedance test</i>	(0,01 ~ 11 000) W (0,0001 ~ 50) A	TCVN 7541-1:2005 TCVN 7541-2:2005 TCVN 6479:2010 TCVN 7674:2014 TCVN 8248:2013 TCVN 7897:2013 TCVN 9892:2013
145		Thử nghiệm làm việc không bình thường, độ bền <i>Test on operational tests for abnormal conditions, Endurance test</i>	-	
146		Thử nghiệm hiệu suất <i>Test on efficiency</i>	-	
147	Đèn điện (đèn compact, đèn huỳnh quang, bóng đèn nung nóng, đèn khí và đèn cao áp, đèn LED, môđun LED) <i>Luminaires/ Lamps/ (compact lamp, fluorescent lamps, tungsten filament lamps, metal halide and high-pressure sodium vapour lamps, LED lamps, LED modules)</i>	Thử nghiệm thông số điện ⁽²⁾ <i>Test on electrical parameters</i>	(0,01 ~ 11 000) W (0,0001 ~ 50) A	TCVN 7673:2007 TCVN 7896:2015 TCVN 7670:2007 TCVN 8249:2013 TCVN 7592:2006 TCVN 8783:2015 TCVN 10885:2015 TCVN 10886:2015 TCVN 10887:2015 TCVN 10485:2015 TCVN 11843:2017 TCVN 11844:2017 TCVN 11846:2017
148		Thử nghiệm đặc tính khởi động và quá độ ⁽²⁾ <i>Test on starting and run-up</i>	-	
149		Thử nghiệm thông số quang, hiệu suất quang ⁽²⁾ (lm/W) <i>Test on photo parameters, efficiency (lm/W)</i>	(0,001 ~ 200) klux (0,001 ~ 2 000) kCd/m ² (0,001 ~ 2 000) W/m ² (0,001 ~ 8) kCd (0,001 ~ 250) klm	
150		Thử nghiệm duy trì quang thông ⁽²⁾ <i>Test on lumen maintenance</i>	-	
151		Thử nghiệm các đặc tính màu/ phổ ⁽²⁾ <i>Test on colour parameters</i>	(1 ~ 25 000) K	
152		Thử nghiệm tuổi thọ ⁽²⁾ <i>Test on lifetime</i>	(1 ~ 100 000) h	
153	Tiếp địa và chống sét <i>Resistance to earth and protection against lightning</i>	Đo điện trở nối đất, tiếp địa hệ thống chống sét cho các công trình xây dựng ^(*) <i>Resistance to earth measuring for protection of structures against lightning and contruction projects</i>	(0,1 ~ 1 000) Ω	TCVN 9385:2012 BS 7430:2011 & Amd:2015 TCVN 7447-6:2011 IEC 60364-6:2016

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
154	Cáp điện lực cách điện bằng chất điện môi rắn có điện áp đánh định từ 1 đến 30 kV <i>Power cables with extruded insulation and their accessories for rate voltage from 1 to 30 kV</i>	Đo kích thước <i>Dimensions measuring</i>	0,1mm/ (0,1 ~ 500,0) mm	TCVN 5935-1:2013 IEC 60502-1:2009 TCVN 5935-2:2013 IEC 60502-2:2005 IEC 60502-2:2014 TCVN 6610-1:2014 IEC 60227-1:2007 TCVN 6610-2:2007 IEC 60227-2:2003 TCVN 6610-3:2000 IEC 60227-3:1997 & Amd1:1997 TCVN 6610-4:2000 IEC 60227-4:1997 & Amd1:1997 TCVN 6610-5:2014 IEC 60227-5:2011 TCVN 6613-1-2:2010 IEC 60332-1-2:2004 IEC 60332-1-2:2015 TCVN 6447:1998
155		Đo phóng điện cục bộ <i>Partial discharge measuring</i>	0,1pC/ (0,1 ~ 500,0) pC	
156		Đo tanδ <i>Tanδ measuring</i>	10 ⁻⁴ (10 ⁻⁴ ~ 10 ⁻²)	
157		Thử xung điện áp tiêu chuẩn 1,2/50μs ⁽²⁾ <i>Impulse voltage test 1.2/50μs</i>	0,1kV/ (10,0 ~ 600,0) kV	
158		Thử độ bền điện áp tần số công nghiệp ⁽²⁾ <i>Withstand voltage test</i>	0,1kV/ (0,1 ~ 250,0) kV	
159	Dây cáp điện cách điện bằng PVC có điện áp đánh định đến 450/750V <i>Electric cable and wires with extruded PVC insulation for rate voltage to 450/750V</i>	Thử lão hoá cho cách điện và vỏ bọc <i>Ageing test for insulation and sheaths</i>	0,1°C/ (0,1 ~ 300,0) °C	
160		Thử cơ tính của cách điện và vỏ bọc trước và sau lão hoá <i>Test for determining the mechanical properties of insulation and sheaths before and after ageing</i>	0,1N/mm ² / (1,0 ~ 50,0) N/mm ² 0,1%/ (0,1 ~ 1200) %	
161		Thử tổn hao khối lượng <i>Loss of mass test</i>	0,01g/cm ² / (0,01 ~ 3,00) g/cm ²	
162		Thử nén ở nhiệt độ cao <i>Pressure test at high temperature</i>	± 2°C/ (80 ~ 280)°C	
163		Thử sốc nhiệt <i>Heat shock test</i>	± 2°C/ (80 ~ 280)°C	
164	Cáp điện vận xoắn cách điện bằng XLPE điện áp làm việc đến 0,6/1kV <i>Electric cables - XLPE insulated - Aerial bundled for working voltage up to 0.6/1kV</i>	Thử co ngót <i>Shrinkage test</i>	± 2°C/ (80 ~ 280)°C	
165		Thử Hot-set <i>Hot-set test</i>	± 2°C/ (80 ~ 280)°C	
166		Đo điện trở cách điện <i>Insulation resistance measuring</i>	0,1 MΩ/ (0,1 ~ 10 ⁷) MΩ	
167		Thử cháy theo phương thẳng đứng <i>Test for vertical flame propagation</i>	1mm/ (1 ~ 500 mm)	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
168	Cáp điện lực cách điện bằng chất điện môi rắn có điện áp danh định từ 1 đến 30 kV <i>Power cables with extruded insulation and their accessories for rate voltage from 1 to 30 kV</i>	Thử các đặc tính của cách điện và vỏ bọc dưới điều kiện lạnh (Thử dãn dài, thử va đập, thử uốn) <i>Test for insulation and sheath in cooling condition (Elongation, impact, bending test)</i>	$\pm 2^{\circ}\text{C}/$ $(-40 \sim -1)^{\circ}\text{C}$	TCVN 5935-1:2013 IEC 60502-1:2009 TCVN 5935-2:2013 IEC 60502-2:2005 IEC 60502-2:2014
169		Thử tính mềm dẻo <i>Flexing test</i>	--	
170		Thử độ ổn định nhiệt <i>Thermal stability test</i>	$\pm 0,5^{\circ}\text{C}/$ $(0,5 \sim 200,0)^{\circ}\text{C}$	
171	Dây cáp điện cách điện bằng PVC có điện áp danh định đến 450/750V <i>Electric cable and wires with extruded PVC insulation for rate voltage to 450/750V</i>	Thử ngâm nước cho cách điện và vỏ bọc <i>Water absorption test</i>	$\pm 2^{\circ}\text{C}/$ $(2 \sim 100)^{\circ}\text{C}$	TCVN 6610-1:2014 IEC 60227-1:2007 TCVN 6610-2:2007 IEC 60227-2:2003 TCVN 6610-3:2000 IEC 60227-3:1997 & Amd1:1997 TCVN 6610-4:2000 IEC 60227-4:1997 & Amd1:1997 TCVN 6610-5:2014 IEC 60227-5:2011
172		Thử hàm lượng carbon <i>Carbon black content</i>	0,01g/ $(0,01 \sim 220) \text{ g}$	
173		Đo điện trở suất của lớp bán dẫn <i>Resistivity of conductor screen and insulation of screen measurement</i>	1 Ω / $(1 \sim 5.10^8) \Omega$	
174	Cáp điện vặn xoắn cách điện bằng XLPE điện áp làm việc đến 0,6/1kV <i>Electric cables - XLPE insulated - Aerial bundled for working voltage up to 0.6/1kV</i>	Thử khả năng bóc lớp bán dẫn cách điện <i>Strippability test for insulation screen</i>	0,1N/ $(0,1 \sim 100,0) \text{ N}$	TCVN 6613-1-2:2010 IEC 60332-1-2:2004 IEC 60332-1-2:2015 TCVN 6447:1998
175		Thử chống thấm nước dọc trục <i>Water penetration test</i>	$\pm 2^{\circ}\text{C}/$ $(1 \sim 100)^{\circ}\text{C}$	
176		Thử độ bám dính của cách điện <i>Adhesion test of the insulation</i>	$\pm 2^{\circ}\text{C}/(1 \sim 100)^{\circ}\text{C}$ 0,1kg/ $(0,1 \sim 1000,0) \text{ kg}$	
177		Thử độ tăng điện dung <i>Capacitance increase test</i>	0,1nF/ $(0,1 \sim 100,0) \text{ nF}$	
178	Ruột dẫn dùng cho cáp cách điện <i>Conductors for electric cables and wires</i>	Kiểm tra kết cấu <i>Contruction test</i>	--	TCVN 6612:2007 IEC 60228:2004
179		Đo điện trở một chiều <i>DC resistance measuring</i>	0,001m Ω / $(0,001 \sim 10^5) \text{ m}\Omega$	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
180	Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không <i>Bare wires for overhead power lines</i>	Kiểm tra kết cấu <i>Contructions test</i>	--	TN2/QT/21:2020 (Ref_TCVN 5064:1994; Ref_TCVN 5064/SĐ1:1995) TCVN 8090:2009 IEC 62219:2002 TCVN 6483:1999 IEC 61089:1991 & amd1:1997
181		Thử cơ tính cho sợi nhôm và sợi thép <i>Mechanical test for aluminum wires and steel wires</i>	0,1kg (0,1 ~ 5 000) kg	
182		Đo điện trở một chiều <i>DC resistance measuring</i>	0,001mΩ/ (0,001 ~ 10 ⁵) mΩ	
183		Đo khối lượng tăng kẽm của sợi thép <i>Area density of zinc coating of steel wire measuring</i>	0,01g/ (0,01 ~ 220) g	
184		Thử xoắn cho sợi thép <i>Twist test for steel wire</i>	--	
185		Đo khối lượng <i>Mass test</i>	0,01g / (0,01 ~ 220) g	
186	Máy biến áp điện lực <i>Power transformer</i>	Đo tổn hao công suất và trở kháng ngắn mạch ⁽²⁾ / <i>Loss power and short- circuit impedance measuring</i>	5W – 50kW	TCVN 6306-1:2015 IEC 60076-1:2011 TCVN 6306-2:2006 IEC 60076-2:1993 TCVN 6306-3:2006 IEC 60076-3:2000 TCVN 6306-10:2018 IEC 60076-10:2016 TCVN 6306-11:2009 IEC 60076-11:2004
187		Đo điện trở DC của cuộn dây và tỷ số biến ⁽²⁾ / <i>DC resistance and transformer ratio measurement</i>	(0,001 ~ 2000) Ω	
188		Đo mức ồn của máy biến áp ⁽²⁾ <i>Noise measuring of transformer</i>	(32 ~ 130) dB	
189		Thử độ bền điện áp tần số công nghiệp ⁽²⁾ / <i>Withstand high voltage test</i>	(10 ~ 250) kV	
190		Thử nghiệm xung điện áp 1,2/50μs ⁽²⁾ <i>Impule voltage test</i>	(20 ~ 600) kV	
191		Thử nghiệm độ tăng nhiệt ⁽²⁾ <i>Temperature rise test</i>	(0,1 ~ 1 370) °C	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
192	Máy điện quay <i>Rotary electric machine</i>	Méo hài tổng (THD) đối với máy điện đồng bộ ⁽²⁾ <i>Total harmonic distortion (THD) for synchronous machines</i>	(1 ~ 1 000) V Bậc (0 ~ 100)	TCVN 6627-1:2014 IEC 60034-1:2010 TCVN 6627-9:2011 IEC 60034-9:2007
193		Đo đặc tính ồn của thiết bị và môi trường ⁽²⁾ <i>Noise measuring of machines and environment</i>	(32 ~ 130) dB	
194	Cải cách điện dùng cho điện áp xoay chiều <i>Insulator for a.c systems</i>	Kiểm tra kích thước cơ bản <i>Dimensions measuring</i>	(1 ~ 1 000) mm	TCVN 7998-1:2009 TCVN 7998-2:2009 IEC 60383-1:1993 IEC 61109:2008
195		Thử nghiệm sốc nhiệt 3 chu kỳ <i>Temperature cycle test</i>	(t _{int} ~ 100) °C	
196		Thử nghiệm điện áp đâm xuyên ⁽²⁾ <i>Puncture voltage test</i>	(10 ~ 250) kV	
197		Thử nghiệm lực phá hủy cơ học <i>Mechanical load test</i>	(10 ~ 100) kN	
198		Thử độ bền điện áp tần số công nghiệp ⁽²⁾ <i>Withstand high voltage test</i>	(10 ~ 250) kV	
199		Thử xung điện áp chuẩn 1,2/50µs ⁽²⁾ <i>Impulse voltage test</i>	(20 ~ 600) kV	
200	Cầu dao, cầu chì, tủ điện trung thế, hạ thế <i>Switchers, Fuses, Switchgear and controlgear</i>	Kiểm tra kích thước cơ bản <i>Dimensions measuring</i>	(1 ~ 1 000) mm	TCVN 8096-107:2010 TCVN 7999-1:2009 TCVN 7999-2:2009 TCVN 7994-1:2009 IEC 62271-1:2017 IEC 62271-107:2019 IEC 62271-102:2018 IEC 60282-1:2009 IEC 60282-2:2008
201		Đo điện trở tiếp xúc mạch chính <i>Resistance of the main circuit measuring</i>	0,1µΩ ~ 60Ω	
202		Thử nghiệm thao tác cơ khí <i>Mechanical test</i>		
203		Đo điện trở cách điện <i>Measuring insulation resistance</i>	0,1 MΩ ~ 999 GΩ	
204		Kiểm tra thứ tự pha <i>Phase sequence check</i>		
205		Thử nghiệm tính liên tục <i>Continuity test</i>	(0,1 ~ 1999) Ω	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
206	Cầu dao, cầu chì, tủ điện trung thế, hạ thế <i>Switchers, Fuses, Switchgear and controlgear</i>	Đo trở kháng mạch vòng sự cố <i>Measurement of the earth fault loop impedance</i>	0,12 Ω ~ 9,99 k Ω	ANSI C37.41:2016 ANSI C37.42:2016 IEC 61109:2008 IEC 60439-1:2004 IEC 61439-1:2009 IEC 61439-2:2009 TCVN 7447-6:2011 IEC 60364-6:2006
207		Thử nghiệm khả năng chịu dòng ngắn mạch <i>Short circuit withstand current test</i>	(1 ~ 30) kA	
208		Thử độ bền điện áp tần số công nghiệp ⁽²⁾ <i>Withstand high voltage test</i>	(10 ~ 250) kV	
209		Thử xung điện áp chuẩn 1,2/50 μ s ⁽²⁾ <i>Impulse voltage test</i>	(20 ~ 600) kV	
210		Thử nghiệm độ tăng nhiệt <i>Temperature rise test</i>	(0,1 ~ 1 370) °C	
211	Khí cụ điện, thiết bị đóng cắt và điều khiển <i>Electrical accessories, Switchgear and controlgear</i>	Kiểm tra bảo vệ chống điện giật <i>Protection against electric shock test</i>		TCVN 6434-1:2008 IEC 60898-1:2003 TCVN 6592-1:2009 IEC 60947-1:2007 TCVN 6592-2:2009 IEC 60947-2:2009 TCVN 7447-6:2011 IEC 60364-6:2006
212		Kiểm tra độ tin cậy của vít, các bộ phận mang dòng và mối nối <i>Reliability of screws, current ~ carrying part and connections check</i>		
213		Kiểm tra độ tin cậy của các đầu nối dùng cho ruột dẫn ngoài <i>Reliability of screw-type terminals for external copper conductors check</i>		
214		Thử nghiệm đặc tính điện môi <i>Properties dielectric test</i>	(-15 ~ 80) °C (20 ~ 95) %	
215		Thử nghiệm độ tăng nhiệt và đo tổn hao công suất <i>Temperature rise and measuring power loss test</i>	(0,1 ~ 1 370) °C	
216		Thử nghiệm xung và va đập cơ học <i>Mechanical shock and impact test</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
217	Khí cụ điện, thiết bị đóng cắt và điều khiển <i>Electrical accessories, Switchinggear and controlgear</i>	Thử nghiệm khả năng chịu nhiệt <i>Resistance to heat test</i>	(0,1 ~ 300) °C	TCVN 6434-1:2008 IEC 60898-1:2003 TCVN 6592-1:2009 IEC 60947-1:2007 TCVN 6592-2:2009 IEC 60947-2:2009 TCVN 7447-6:2011 IEC 60364-6:2006
218		Thử nghiệm đặc tính cắt <i>Tripping ~ time test</i>		
219		Kiểm tra khả năng chịu nhiệt bất thường và thử cháy / <i>Resistance to abnormal heat and fire check</i>	(1 ~ 1000) °C	
220		Thử nghiệm độ bền cơ và điện <i>Mechanical and electric endurance test</i>		
221		Đo chiều dài đường rò và khe hở không khí <i>Creepage distances and Clearances test</i>	(0,01 ~ 300) mm	
222		Thử nghiệm 28 ngày <i>28 days test</i>		
223		Thử nghiệm độ bền không phai của nhãn mác <i>Test of indelibility of marking</i>		
224		Thử nghiệm khả năng chống gỉ <i>Resistant to rusting test</i>		
225	Ổ cắm, phích cắm, thiết bị đóng cắt (công tắc) <i>Plugs, socket-outlet, switches</i>	Thử nghiệm bảo vệ chống điện giật <i>Protection against electric shock test</i>		TCVN 6480-1:2008 IEC 60669-1:2007 TCVN 6188-1:2007 IEC 60884-1:2002
226		Kiểm tra đầu nối và cơ cấu truyền động <i>Terminals and mechanism check</i>		
227		Kiểm tra vít, bộ phận mang dòng và mối nối <i>Screws, current-carrying parts and connections check</i>		
228		Thử nghiệm khả năng đóng và khả năng cắt <i>Making and breaking capacity test</i>		
229		Hoạt động bình thường <i>Normal operation test</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
230	Ổ cắm, phích cắm, thiết bị đóng cắt (công tắc) <i>Plugs, socket-outlet, switches</i>	Thử nghiệm độ bền cơ <i>Mechanical strength test</i>		TCVN 6480-1:2008 IEC 60669-1:2007 TCVN 6188-1:2007 IEC 60884-1:2002
231		Thử nghiệm độ bền lão hóa, bảo vệ vỏ ngoài và khả năng chống ẩm <i>Resistance to ageing, protection provided by enclosures and resistance to humidity test</i>	(-15 ~ 80) °C (20 ~ 95) %	
232		Đo điện trở cách điện và độ bền điện <i>Insulation resistance and electric strength test</i>	0,1 MΩ ~ 999 GΩ (0,05 ~ 5) kVAC (0,05 ~ 6) kVDC	
233		Thử nghiệm độ tăng nhiệt <i>Temperature rise test</i>	(0,1 ~ 1 370) °C	
234		Thử nghiệm khả năng chịu nhiệt <i>Resistance to heat</i>	(0,1 ~ 300) °C	
235		Đo chiều dài đường rò và khe hở không khí <i>Creepage distances and clearances test</i>	(0,1 ~ 300) mm	
236		Thử nghiệm khả năng chịu nhiệt bất thường và thử cháy <i>Resistance to abnormal heat and fire test</i>	(1 ~ 1000) °C	
237		Thử nghiệm khả năng chống gỉ <i>Resistant to rusting test</i>	-	
238	Công tơ điện, thiết bị chiếu sáng và các sản phẩm tương tự <i>Metering equipment Electrical Lighting and similar equipment</i>	Thử nghiệm miễn nhiễm đối với hiện tượng phóng tĩnh điện <i>Test of immunity to electrostatic discharges</i>	200 V ~ 30 kV	IEC 62052-11:2003 ĐLVN 237:2010 IEC 61547:2009 TCVN 8241-4-2:2009 IEC 61000-4-2:2001 IEC 61000-4-4: 2004 TCVN 8241-4-5:2009 IEC 61000-4-5:2005 TCVN 8241-4-6:2009 IEC 61000-4-6:2005 TCVN 8241-4-8:2009 IEC 61000-4-8:2001 IEC 61000-4-12:2006
239		Thử nghiệm đột biến quá độ nhanh <i>Fast transient burst test</i>	(200 ~ 5500) V	
240		Thử nghiệm miễn nhiễm với xung <i>Surge immunity test</i>	(250 ~ 7000) V	
241		Thử nghiệm miễn nhiễm đối với nhiễu dẫn tần số vô tuyến <i>Test of immunity to conducted disturbances, induced by radio frequency fields</i>	150 kHz ~ 1 GHz	
242		Thử nghiệm miễn nhiễm đối với từ trường tần số nguồn <i>Power frequency magnetic field immunity test</i>	(Max 1000) A/m	
243		Thử nghiệm miễn nhiễm với sóng dao động tắt dần <i>Damped oscillatory waves immunity test</i>	(250 ~ 6 000) V	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất Năng lượng
Electric, Electronic and Energy Efficiency Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
244	Công tơ điện, thiết bị chiếu sáng và các sản phẩm tương tự <i>Metering equipment Electrical Lighting and Similar equipment</i>	Thử nghiệm miễn nhiễm đối với các hiện tượng sụt áp, gián đoạn ngắn và biến đổi điện áp <i>Voltage dips, short interruptions and voltage variations immunity test</i>	(100 ~ 0) %	TCVN 8241-4-11:2009 IEC 61000-4-11:2004
245	Thiết bị điện gia dụng, dụng cụ điện và thiết bị tương tự <i>Household appliances, electric tools and similar apparatus</i>	Đo nhiễu dẫn tại đầu nối điện lưới / tải / bổ sung ⁽²⁾ / <i>Measurement of conducted disturbance at mains/ load / additional terminals</i>	150 kHz ~ 30 MHz	TCVN 7492-1:2018 CISPR 14-1:2016
246		Đo nhiễu không liên tục ⁽²⁾ <i>Measurement of discontinuous disturbance</i>	150 kHz ~ 30 MHz	
247		Đo công suất nhiễu ⁽²⁾ <i>Measurement of disturbance power</i>	(30 ~ 300) MHz	
248	Thiết bị chiếu sáng và thiết bị tương tự <i>Electrical Lighting and similar equipments</i>	Đo nhiễu dẫn tại đầu nối điện lưới / tải ⁽²⁾ <i>Measurement of conducted disturbance at mains / load / terminals</i>	50 kHz ~ 30 MHz	TCVN 7186:2018 CISPR 15:2018
249		Đo nhiễu điện từ bức xạ ⁽²⁾ <i>Measurement of radiated electromagnetic disturbances</i>	9 kHz ~ 30 MHz	
250		Đo nhiễu điện từ bức xạ ⁽²⁾ <i>Radiated electromagnetic disturbances</i>	(30 ~ 300) MHz	
251	Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh <i>Refrigerator, freezer</i>	Thử nghiệm hiệu suất năng lượng ⁽²⁾ <i>Energy efficiency testing</i>	Max 2kVA	TCVN 7828:2016 TCVN 7829:2016
252	Tủ giữ lạnh thương mại <i>Commercial Refrigerated cabinets</i>	Thử nghiệm hiệu suất năng lượng ⁽²⁾ <i>Energy efficiency testing</i>	Max 2kVA	TCVN 10289:2014 TCVN 10290:2014

Ghi chú / *Note*: - ^(*) : phép thử tại hiện trường / *on site tests*

- ⁽²⁾ : phép thử thực hiện tại địa điểm 2 / *2nd location's tests (Lô B2-3-6A, KCN Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội).*

DANH SÁCH NHÂN SỰ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Học vị
1	Đặng Thanh Tùng	Trưởng phòng	Thạc sỹ Thiết bị điện, điện tử
2	Nguyễn Anh Tùng	Phó trưởng phòng	Thạc sỹ Kỹ thuật tự động hóa
3	Bùi Anh Tuấn (A)	Thử nghiệm viên	Thạc sỹ Tự động hóa
4	Bùi Anh Tuấn (B)	Thử nghiệm viên	Thạc sĩ công nghệ điện tử viễn thông
5	Nguyễn Ngọc Sơn	Thử nghiệm viên	Kỹ sư Điện tử Viễn thông
6	Nguyễn Tiến Hùng	Thử nghiệm viên	Kỹ sư Điện Điều khiển tự động
7	Vũ Hữu Trung	Thử nghiệm viên	Thạc sĩ Kỹ thuật Điện tử
8	Hoàng Quốc Dũng	Thử nghiệm viên	Thạc sĩ Kỹ thuật Điện tử
9	Phùng Thế Duy	Thử nghiệm viên	Kỹ sư Kỹ thuật Điện - Điện tử
10	Nguyễn Cảnh Dương	Thử nghiệm viên	Học viện Kỹ thuật Quân sự

THIẾT BỊ CHÍNH

STT	Tên thiết bị
1	Thiết bị thử bẻ gập dây nguồn
2	Thiết bị thử phóng điện bề mặt
3	Thiết bị thử cấp bảo vệ IPX3, IPX4
4	Thiết bị thử mưa rơi IPX1, IPX2
5	Thiết bị thử nghiệm đốt cháy
6	Thiết bị thử va đập
7	Thiết bị thử thao tác Đóng - Ngắt cho CB
8	Thiết bị thử thao tác Cắm - Rút cho phích cắm, ổ cắm
9	Thiết bị thử tính mềm dẻo cho dây điện với nhiều Puli có đường kính khác nhau
10	Thiết bị thử uốn ở nhiệt độ thấp
11	Thiết bị thử dẫn dài ở nhiệt độ thấp
12	Thiết bị thử va đập ở nhiệt độ thấp, búa, cao su xốp
13	Thiết bị thử ổn định nhiệt ở $200 \pm 0,5^{\circ}\text{C}$
14	Thiết bị thử phóng tĩnh điện ESD30N
15	Thiết bị thử đột biến quá độ nhanh
16	Thiết bị thử miễn nhiễm gây ra bởi trường điện từ tần số radio
17	Thiết bị thử miễn nhiễm với quá độ nhanh
18	Thiết bị thử xung điện áp chuẩn MEGAPULSE
19	Thiết bị thử độ bền khi rơi cho bàn là
20	Thiết bị thử độ bền điện áp cao Kikusui TOS 9201
21	Thiết bị thử cao áp $\pi 70$
22	Thiết bị hợp bộ thử độ dẫn dài dưới lạnh
23	Thiết bị thử cháy bằng sợi dây nóng đỏ
24	Thiết bị thử mô men xoắn cho đui đèn 2TM300CN-S theo hình 2 và 3
25	Thiết bị thử cháy bằng ngọn lửa hình kim
26	Thiết bị thử đặc tính cắt cho thiết bị đóng ngắt
27	Thiết bị đo công suất
28	Thiết bị đo chiều dày cách điện
29	Thiết bị đo điện trở một chiều
30	Thiết bị đo góc lệch đui đèn khi thử mô men xoắn
31	Thiết bị đo công suất chờ cho thiết bị gia dụng Voltech PM1000+
32	Thiết bị đo công suất kiểu kẹp HIOKI 3286-20
33	Thiết bị đo điện trở cách điện KYORITSU 5000Vdc, SM5E, 92206
34	Thiết bị đo chiều dày lớp mạ 600B
35	Thiết bị đo vụn năng FLUKE 45
36	Thiết bị đo dòng điện rò và điện trở nối đất thiết bị
37	Thiết bị đo điện trở nhỏ AVO 247002 HD 45224

STT	Tên thiết bị
38	Thiết bị đo nhiệt độ bề mặt TESTO 925
39	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm & phụ kiện TESLO600 (HD31643)
40	Thiết bị đo độ rọi Delta Ohm HD 2303.0 (Italia)
41	Thiết bị đo và phân tích công suất Voltech PM1000+ (Anh); N4L PPA510
42	Thiết bị đo công suất 1 pha WT310 – Yokogawa (Nhật Bản)
43	Thiết bị đo và phân tích công suất Yokogawa WT210 (Nhật Bản)
44	Thiết bị đo công suất WT-1600 Yokogawa (Nhật Bản)
45	Thiết bị đo độ rọi Delta Ohm HD 2303.0 (Italia)
46	Thiết bị đo và phân tích công suất Voltech PM1000+ (Anh); N4L PPA510
47	Thiết bị đo nhiệt độ (Nhật Bản)
48	Thiết bị nén cho cách điện
49	Thiết bị phân tích ballast điện tử HB-6B
50	Thử nghiệm miễn nhiễm với sóng dao động tắt dần
51	Thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ - 20 kênh, GRAPHTEC (midiLogger GL820)
52	Thiết bị tạo rung động ST 80 + bộ gá
53	Máy đo rung VM - 80 18790787
54	Ampe kim hiển số Kyoritsu
55	Máy thử cao áp Wip6
56	Máy kéo vạn năng
57	Máy thử phóng điện cục bộ
58	Cầu đo điện dung và tangđ
59	Bể ổn nhiệt $t_{mt}^{\circ}\text{C} \div 100^{\circ}\text{C}$
60	Buồng thử bụi
61	Vòi phun thử cấp bảo vệ IPX4, IPX5, IPX6
62	Que thử hình ngón tay cứng
63	Que thử hình ngón tay khớp
64	Que thử cứng
65	Que thử hình quả cầu
66	Que thử hình dây
67	Que thử chạm
68	Que ngắn thử chạm
69	Que thử hình ngón tay có móc kéo
70	Dụng cụ thử nén bằng viên bi
71	Dụng cụ búa thử va đập
72	Dụng cụ đo lực hiển số, ED&D (AFI-500), PFI-200
73	Dụng cụ đo kích thước
74	Dụng cụ đo dung tích, lưu lượng
75	Các viên bi thử va đập
76	Cân phân tích

STT	Tên thiết bị
77	Tủ khí hậu ESPEC
78	Hệ thống đo và phân tích nguồn sáng
79	Hệ thống thử xung
80	Hệ thống thử điện cao áp
81	Hệ thống kênh đo nhiệt độ góc thử số 1, 2, 3, 4
82	Hệ thống đo và phân tích ánh sáng Inventffine PM200
83	Hệ thống thử HSNL cho động cơ điện
84	Phòng thử HSNL Tủ đông lạnh, OHNISHINETUGAKU
85	Hệ thống động cơ tải đến 55kW
86	Hệ thống phân tích nguồn sáng Inventfine
87	Hệ thống quang góc kế, INSTRUMENT SYSTEM
88	Balát chuẩn vạn năng DYJ
89	Micrometer hiện số Pro-max
90	Tủ nhiệt tạo chân không
91	Tủ lão hóa
92	Tủ lạnh sâu
93	Cầu đo điện trở cuộn dây máy biến áp
94	Buồng thử lạnh
95	Máy kéo
96	Phòng kiểm soát nhiệt độ
97	Bình chuẩn cho thử nghiệm lò cảm ứng
98	Bình thử nghiệm 1,8kg
99	Quả cầu gỗ
100	Khung kim loại
101	Bộ ghi nhiệt độ 20 kênh GL820
102	Đầu dò thử chống chạm đến bộ phận mang điện
103	Đầu đo nhiệt độ bề mặt
104	Đầu dò điện áp trở kháng cao SHC-2/1000
105	Đầu dò thử nghiệm 18
106	Bộ dưỡng E27
107	Bộ đo nhiễu không liên tục 9010 Click 4E
108	Tủ nhiệt với lưu lượng khí tự nhiên
109	Đồng hồ vạn năng Fluke 289
110	Đồng hồ lưu lượng, FMS (LLK-FMS01)
111	Micrometer hiện số
112	Thước cặp hiện số
113	Thước lá 1m, 50cm, 30cm
114	Thước cuộn 3m
115	Thước đo cơ khí

STT	Tên thiết bị
116	Thước đo khoảng cách bằng tia laser, BOSCH (GLM40)
117	Thước Laser Bosch GLM 40 (Malaysia)
118	Ke vuông 50cm - 25cm
119	Gói thử, gói M
120	Máy thu đo tín hiệu nhiễu điện từ và mô đun mở rộng PMM9010, PMM9030
121	Mạng nguồn giả L2-32
122	Kẹp hấp thụ CLA-150
123	Ăng ten vòng PMM RF-300
124	Mạch tách/ghép CDN M2
125	Ba lát chuẩn, CHUANGUI INSTRUMENT (DYJ)
126	Cầu đo điện trở cuộn dây, DV POWER (RMO60TD)
127	Biến dòng, Biến áp đo lường, YOKOGAWA (CT 224200 / PT 226200)
128	Nguồn xoay chiều, KIKUSUI (PCR 2000W)
129	Bộ nguồn tạo tải 0 – 125A, điện áp 0-380V, cosφ 0,2 – 1
130	Bộ nguồn hiển thị để thử chống chạm tới phần mang điện
131	Bộ nguồn điện chuẩn THP5000 - 5 kVA (Trung Quốc)
132	Bộ ghi nhiệt độ 20 kênh Graphtec GL820 (Nhật Bản)
133	Bộ nguồn điện chuẩn NF-ES2000S - 2 kVA (Nhật Bản)
134	Bộ ghi nhiệt độ 20 kênh Graphtec GL820 (Nhật Bản)
135	Bộ nguồn dòng DC
136	Bộ ghi nhiệt độ 20 kênh Graphtec GL820 (Nhật Bản)
137	Bộ nguồn điện 3 pha LiOA (Việt Nam)
138	Bộ phân tích công suất 3 pha
139	Bộ nguồn điện chuẩn NF-ES2000S - 2 kVA (Nhật Bản)
140	Nguồn điện chuẩn THP-5000
141	Nguồn điện AC/DC điều chỉnh được NF ES2000S
142	Nguồn AC/DC NF - E750S
143	Nguồn chuẩn tần số cao cho bóng đèn huỳnh quang YF 2402
144	Nguồn PCR 2000W - 2kVA
145	Phong tốc kế , KIMO (AMI300)
146	Bóng đèn chuẩn, OSRAM (No.103583)
147	Tải máy giặt (Vải Bông)
148	Bộ đĩa chuẩn Bluray, đĩa DVD, đĩa CD theo IEC 62087
149	Đầu đọc đĩa Bluray, đĩa DVD, đĩa CD (Model: BDP-S590, Sony, Malaysia)
150	Phong tốc kế Kimo VT200 (Pháp)
151	Phong tốc kế KIMO AMI 300 (Pháp)
152	Bóng đèn chuẩn Osram 50W
153	Balát chuẩn Everfine
154	Giàn thử duy trì quang thông cho bóng đèn

STT	Tên thiết bị
155	Giàn thử tuổi thọ cho bóng đèn
156	Cân khối lượng ED&D PFI 200 (Đức)
157	Máy biến áp vô cấp LiOA (Việt Nam)
158	Cầu đo điện trở một chiều RMO60TC DVPower (Đức)
159	Phòng thử hiệu suất năng lượng (Nhật Bản)
160	Nguồn chuẩn PCR 200W – Kikisui (Nhật Bản)
161	Phần mềm đo và xử lý số liệu – Habilis (Nhật Bản)
162	Sensor đo Mômen trên trục đến 500Nm

DANH MỤC MỘT SỐ HỢP ĐỒNG ĐÃ THỰC HIỆN

TT	Tên công trình	Nội dung	Địa điểm
1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Khai Phát	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	Bà Rịa - Vũng Tàu
2	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hưng Phú Hải	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	Phú Yên
3	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh, Nghệ An, Đồng Tháp, Đồng Nai...
4	Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng Tp Hồ Chí Minh	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh
5	Công ty TNHH Công nghệ năng lượng Potech	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh
6	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	Quảng Ngãi
7	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nhất Huy	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	Đà Nẵng
8	Công ty TNHH sản xuất thương mại & dịch vụ Đại Quang Phát	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương...
9	Công ty Cổ phần chiếu sáng led và thiết bị công nghệ	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	Hà Nội
10	Công ty Cổ phần Phú Thành	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, driver...)	Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long...
11	Công ty Cổ phần xây dựng cầu đường Hà Nội	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, driver...)	Hà Nội
12	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Hải	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, driver...)	Hà Nội
13	Công ty TNHH đầu tư sản xuất và thương mại Hoàng Minh	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, driver...)	Hà Nội, Thanh Hóa, Quảng Ninh...
14	Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị năng lượng Sài Gòn	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh
15	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Kỹ thuật - Công nghệ tín hiệu (Sitech)	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh, Nghệ An, Đồng Tháp, Quảng trị...
16	Công ty Cổ phần công nghệ chiếu sáng OPPOLE Việt Nam	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, driver...)	Hà Nội
17	Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Gia	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, driver...)	Hà Nội
18	Công Ty TNHH Công Nghệ Và Xúc Tiến Thương Mại Haledco	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	Hà Nội
19	Công ty TNHH S.V	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh
20	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Châu Á	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn)	Hà Nội
21	Công ty Cổ phần Điện và Chiếu sáng Phú Thắng	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn)	Hà Nội
22	Công ty TNHH Thương mại và Sản	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng	TP. Hồ Chí Minh

TT	Tên công trình	Nội dung	Địa điểm
	xuất Minh Hưng Long	(đèn, balat, driver...)	
23	Công ty Cổ phần SMK Việt Nam	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	Hà Nội
24	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Công Nghiệp Hữu Hồng	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh
25	Công Ty TNHH Xây Lắp Điện Quang Huy	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	Bà Rịa - Vũng Tàu
26	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Tín Lợi	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn)	TP. Hồ Chí Minh
27	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Thiết Bị Điện Việt Nhật	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, driver...)	Hà Nội, Hải Phòng
28	Trung tâm chứng nhận phù hợp	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	Hà Nội
29	Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	Hà Nội
30	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Beled Việt Nam	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh
31	Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn)	Hà Nội
32	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Xuất Nhập Khẩu Super Thái Dương	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh
33	Công Ty Cổ Phần Điện Và Chiếu Sáng Toàn Cầu	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định...
34	Công Ty TNHH Đèn Tùng Quang	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn)	Hà Nội
35	Công Ty TNHH Thương Mại Kỹ Thuật Điện Và Xây Dựng Hà Nội	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn)	Hà Nội
36	Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Ngọc Lương	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn)	Hà Nội
37	Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Nguyễn Đình	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh
38	Công Ty Thi Công Cơ Giới Viglacera	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn)	Hà Nội
39	Công ty TNHH Đức Thuận Phát	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn)	Hà Nội
40	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đại Phát	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn)	Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình
41	Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Và Lắp Ráp Thiết Bị Điện Việt Nam	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn)	Hà Nội
42	Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Báo Hiệu Hàng Hải Miền Bắc	Đèn báo hiệu hàng hải	Hà Nội, Hải Phòng
43	Công ty Cổ phần Tự động hoá – Điện tử - Viễn thông – Tin học	Đèn tín hiệu giao thông	Hà Nội
44	Công Ty Cổ Phần Bóng đá Bà Rịa-Vũng Tàu	Hệ thống chiếu sáng sân vận động	Bà Rịa - Vũng Tàu
45	Công ty TNHH Signify Việt Nam (Philips)	Thử nghiệm sản phẩm chiếu sáng (đèn, balat, driver...)	TP. Hồ Chí Minh